

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm
và vi phạm pháp luật khác về môi trường**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Bộ luật Hình sự năm 1999; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2009;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự ngày 20 tháng 8 năm 2004; Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 ngày 14 tháng 12 năm 2006; Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 ngày 27 tháng 02 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 08 tháng 3 năm 2007; Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức, hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cán bộ, chiến sỹ làm công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; các cơ quan, tổ chức, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tổ chức, người nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường

1. Phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường đặt dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Chính phủ; Bộ Công an giúp Chính phủ quản lý nhà nước về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp, hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân; đảm bảo sự phát triển kinh tế và an sinh xã hội.

3. Phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, nhanh chóng và có hiệu quả.

4. Cơ quan, tổ chức, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tổ chức, người nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật về môi trường và yêu cầu của cơ quan, cán bộ chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường trong khi thi hành công vụ.

5. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường phải trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, các bên cùng có lợi và được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường là lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường thuộc ngành Công an.

2. Cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài cư trú, hoạt động tại Việt Nam.

3. Tổ chức là doanh nghiệp, hội, hiệp hội doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh cá thể và các tổ chức khác được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Chương II

NỘI DUNG, BIỆN PHÁP VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG NGỪA, ĐẤU TRANH CHỐNG TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Nội dung phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường

1. Tham mưu, đề xuất xây dựng các chủ trương, kế hoạch và các văn bản pháp luật về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

2. Hướng dẫn, kiểm tra và tiến hành các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; tổ chức quản lý Nhà nước về môi trường trong Công an nhân dân.

3. Tổ chức hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự và kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật khác về môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Tham dự các hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư.

5. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

6. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về môi trường, về công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

7. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

8. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Điều 6. Biện pháp tổ chức phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường

1. Trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường, cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường được áp dụng các biện pháp nghiệp vụ sau:

a) Sử dụng khoa học và công nghệ, phương tiện kỹ thuật để theo dõi, giám sát, thu thập thông tin về hoạt động của các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật về môi trường và phát hiện các công cụ, phương tiện, cách thức vi phạm pháp luật về môi trường;

b) Bố trí người thâm nhập, tìm hiểu các hoạt động phạm tội về môi trường để phát hiện thông tin, tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến tội phạm và người phạm tội về môi trường;

c) Kiểm tra chỗ ở, nơi làm việc, phương tiện giao thông và các địa điểm khác có liên quan mà những người có dấu hiệu phạm tội về môi trường sử dụng để thu thập thông tin, tài liệu, công cụ, phương tiện có liên quan đến tội phạm về môi trường;

d) Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để các đối tượng phạm tội bộc lộ nơi cất giấu, che giấu công cụ, phương tiện, vật phẩm, đồ vật, tài liệu có liên quan đến tội phạm môi trường;

đ) Bố trí lực lượng giám sát hoạt động của các đối tượng phạm tội về môi trường;

e) Phối hợp với cơ quan hữu quan các nước thực hiện yêu cầu hợp tác đấu tranh với các tội phạm môi trường có tổ chức, xuyên quốc gia.

2. Trong quá trình phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường, cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường được áp dụng các biện pháp khẩn cấp, tạm thời sau đây:

a) Tạm đình chỉ hoạt động có liên quan trực tiếp đến việc gây ô nhiễm môi trường của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

b) Niêm phong hoặc tạm giữ, thu giữ tài sản, đồ vật, phương tiện vi phạm;

c) Tạm giữ người vi phạm;

d) Các biện pháp ngăn chặn khác theo quy định của pháp luật.

3. Thu giữ mẫu vật, các tài liệu, vật chứng liên quan đến vi phạm pháp luật về môi trường để kiểm định.

4. Được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, tài sản, đồ vật khi có căn cứ xác định liên quan đến tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

5. Được quyền kiểm tra, đình chỉ các hoạt động liên quan đến tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường khi có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

6. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường của cơ quan chuyên trách thực hiện theo quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Các biện pháp nghiệp vụ quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Công an. Những thông tin, tài liệu có liên quan đến các biện pháp nghiệp vụ phải được quản lý theo chế độ tài liệu mật. Nghiêm cấm tiết lộ, làm giả, chiếm đoạt, tiêu hủy hoặc sử dụng trái phép các thông tin, tài liệu này.

Cán bộ công an và người cộng tác được cơ quan chuyên trách giao nhiệm vụ thực hiện các biện pháp nghiệp vụ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều này được bảo vệ và giữ bí mật. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của cán bộ công an và người cộng tác. Trường hợp người được giao nhiệm vụ đã lợi dụng các biện pháp này để vi phạm pháp luật hoặc đã vượt quá nhiệm vụ được giao thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường

Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường được thành lập ở Bộ Công an, Công an cấp tỉnh và Công an cấp huyện. Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên trách ở từng cấp do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 8. Nâng cao năng lực cho cơ quan phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường

1. Nhà nước có chính sách ưu tiên cho Bộ Công an tuyển chọn cán bộ, chuyên gia giỏi để phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường và cử người đủ tiêu chuẩn đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

2. Nhà nước đảm bảo trang bị cho cơ quan chuyên trách các loại phương tiện nghiệp vụ và các công cụ hỗ trợ gồm: các phương tiện kỹ thuật để phát hiện, thu thập, lưu trữ thông tin, tài liệu, mẫu vật; phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện

giao thông; hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ cần thiết đảm bảo thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

3. Nhà nước bảo đảm đầu tư, nâng cấp Trung tâm kiểm định môi trường thuộc Bộ Công an đạt tiêu chuẩn quốc gia để phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Điều 9. Phối hợp phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường

1. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân lập kế hoạch và tổ chức phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường;

b) Tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; tiến hành một số hoạt động điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường trong trường hợp do mình phát hiện hoặc do các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến theo quy định của pháp luật;

c) Sơ kết, tổng kết, thông báo cho cơ quan, tổ chức tham gia phối hợp về kết quả phối hợp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Phát hiện, cung cấp, chuyển giao kịp thời cho cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường, cơ quan cảnh sát điều tra có thẩm quyền các tin báo, tố giác và các thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan đến tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường;

b) Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường, cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền trong công tác phát hiện, điều tra, ngăn chặn, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; phối hợp, tạo điều kiện để cơ quan này thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Chế độ chính sách

Cán bộ, chiến sỹ thuộc cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp

luật đối với cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân, ngoài ra, còn được hưởng các chế độ, chính sách sau:

1. Hưởng chế độ độc hại theo quy định pháp luật.
2. Trang bị các phương tiện bảo hộ phòng, chống ô nhiễm trong khi thi hành công vụ.
3. Trường hợp đặc biệt, có thể được nâng lương, thăng cấp hàm cao hơn một bậc so với quy định cấp bậc hàm tối đa cho từng chức vụ.

Điều 11. Kinh phí phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường

1. Kinh phí phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường được Nhà nước đảm bảo từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm giao cho Bộ Công an.

2. Công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường còn được hỗ trợ từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp môi trường hàng năm và trích từ tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường và truy thu phí môi trường do lực lượng Công an phát hiện xử lý. Nguồn kinh phí này được chi cho các mục đích sau:

a) Hỗ trợ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường;

b) Mua sắm trang, thiết bị, phương tiện phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường;

c) Hỗ trợ công tác tham mưu, hướng dẫn, nghiên cứu khoa học, sơ tổng kết các chuyên đề nghiệp vụ và các chuyên án; nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về môi trường;

d) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện và tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường;

đ) Hỗ trợ cho cá nhân, gia đình có thân nhân bị thương tích hoặc hy sinh trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường;

e) Khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường;

g) Thẩm định, giám định các mẫu môi trường phục vụ cho công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường;

h) Hội nghị, hội thảo và hợp tác quốc tế về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Điều 12. Huy động tiềm lực khoa học kỹ thuật và công nghệ môi trường phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường

Cơ quan chuyên trách được huy động tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường. Việc huy động tiềm lực khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 169/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ công tác công an.

Chương III

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG PHÒNG NGỪA,
ĐẤU TRANH CHỐNG TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC
VỀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Tổ chức lực lượng phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Công an nhân dân, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự và Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan hữu quan khác xây dựng và thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

3. Tổ chức tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; chuyển cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tài liệu, hồ sơ vụ việc có thể liên quan tới các vi phạm pháp luật về môi trường để thanh tra, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; trao đổi thông tin, tài liệu cần thiết trong quá trình điều tra, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về môi trường với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

6. Tham mưu và xây dựng chiến lược, chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

7. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập kế hoạch, dự toán ngắn hạn, dài hạn về kinh phí sự nghiệp môi trường phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, kết quả điều tra, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

2. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan rà soát, điều chỉnh, chuyển đổi các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới; xây dựng cơ chế xã hội hóa, giám sát, kiểm tra về môi trường.

3. Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ không có hệ thống, phương tiện, biện pháp xử lý chất thải và biện pháp khắc phục sự cố môi trường. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an trong việc trao đổi thông tin, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Phối hợp với Bộ Công an thực hiện việc tăng cường năng lực cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành hữu quan xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch, dự toán ngân sách ngắn hạn, dài hạn kinh phí sự nghiệp môi trường phục vụ công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Điều 16. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý của mình thực hiện các quy định tại Nghị định này.

2. Thực hiện thanh tra, kiểm tra vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật; phối hợp và hỗ trợ cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường và các cơ quan khác thuộc Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về môi trường.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Hướng dẫn các đơn vị, bộ phận trực thuộc nghiên cứu, thực hiện các quy định tại Nghị định này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai và đôn đốc thực hiện các chính sách, đường lối, chiến lược, kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

3. Phân bổ kinh phí cho công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường Nhà nước cấp cho tỉnh.

Chương IV

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG NGỪA, ĐẤU TRANH CHỐNG TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Công an trong hợp tác quốc tế về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường

1. Đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực trao đổi thông tin và phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường theo quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Pháp lệnh Ký kết và thỏa thuận quốc tế năm 2007.

2. Đề xuất việc ký kết, gia nhập điều ước quốc tế về dẫn độ đối với tội phạm về môi trường; thực hiện việc tiếp nhận yêu cầu dẫn độ và tổ chức thi hành quyết định dẫn độ đối với tội phạm về môi trường; thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007.

Điều 19. Nội dung, hình thức, yêu cầu hợp tác quốc tế về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường

1. Nội dung hợp tác:

a) Phối hợp phát hiện, ngăn chặn và điều tra, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Đề xuất đàm phán, ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường;

c) Thu thập, nghiên cứu, trao đổi thông tin, kinh nghiệm phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường;

d) Phối hợp, đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường cho cán bộ, nhân viên các cơ quan, tổ chức hữu quan;

đ) Phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo về các vấn đề liên quan đến phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường;

e) Thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp, dẫn độ trong việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án tội phạm về môi trường;

g) Hỗ trợ về cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ, tăng cường năng lực các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

2. Hình thức, yêu cầu hợp tác:

a) Yêu cầu hợp tác phải được chuyển đến bằng văn bản, có chữ ký của người có trách nhiệm và có dấu của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia yêu cầu;

b) Tùy theo nội dung mà văn bản yêu cầu hợp tác phải được gửi đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007;

c) Nội dung văn bản yêu cầu hợp tác phải bao gồm các yếu tố sau: tên tổ chức, quốc gia yêu cầu và nhận yêu cầu; mục đích, bản chất và thời hạn yêu cầu; thời hạn yêu cầu hỗ trợ; các chi tiết, đặc điểm có liên quan đến các yêu cầu hợp tác; bản sao các chứng cứ, phán quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia yêu cầu.

3. Từ chối yêu cầu hợp tác trong các trường hợp sau:

a) Yêu cầu hợp tác gây tổn hại đến độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc lợi ích quan trọng khác của Việt Nam;

b) Yêu cầu hợp tác không phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

c) Yêu cầu hợp tác không đáp ứng đầy đủ quy định tại khoản 2 Điều này hoặc người được đề cập đến trong yêu cầu hợp tác đã hoặc đang bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam điều tra, truy tố, xét xử về tội phạm về môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn và kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng